

Số: /TB-BVSNBNS1

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc mời báo giá dịch vụ thuộc dự toán:

“May đo trang phục y tế cho viên chức, người lao động tại Bệnh viện”

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Hiện tại, Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1 đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán: “May đo trang phục y tế cho viên chức, người lao động tại Bệnh viện” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1;
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đ/c Hương, Phòng Hành chính quản trị, Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1. (Số điện thoại: 0852.631.888).
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị, Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1, Đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.
 - Nhận qua email: phonghanhchinhquantribvsn@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo đến hết ngày 24 tháng 7 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 24/7/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục: Theo danh mục chi tiết kèm theo;
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 730 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Không tạm ứng.
 - Thanh toán bằng chuyển khoản, trong vòng 90 ngày kể từ khi đơn vị thực hiện hoàn thành dịch vụ và bàn giao đủ các chứng từ cần thiết.
- Các thông tin khác:
 - Chất lượng mới 100%
 - Bàn giao tại các khoa, phòng theo danh sách do Bệnh viện cung cấp;
 - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bệnh viện, nhà thầu phải hoàn thành việc đổi hoặc khắc phục đối với các sản phẩm không đạt yêu cầu.

- Giá đã bao gồm thuế, chi phí may đo, lấy số đo, chỉnh sửa, hoàn thiện, đóng gói, vận chuyển, bốc xếp và bàn giao trang phục tại các khoa, phòng theo yêu cầu của Bệnh viện.

- Đề nghị các đơn vị tham khảo làm Báo giá theo mẫu đính kèm.

Hồ sơ báo giá của các đơn vị sẽ là căn cứ để Bệnh viện xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: “May đo trang phục y tế cho viên chức, người lao động tại Bệnh viện”. Rất mong nhận được sự quan tâm tham gia của Quý đơn vị.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;
- Website của Bệnh viện;
- Lưu: VT, TC-KT, HCQT. (Cúc)

GIÁM ĐỐC

Hoàng Trường Giang

DANH MỤC

(Kèm theo Thông báo số...../TB-BVSNBNSI ngày.....tháng.....năm 2026)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Các thông số kỹ thuật và nội dung yêu cầu
1	Trang phục của bác sĩ bộ mùa hè (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	327			1. Chất liệu, màu sắc - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương 2. Kiểu dáng: - Áo: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu ngắn tay, phía trước có 3 túi, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 67.6 ± 2, Rayon 29.4 ± 2, Spandex 3 ± 2. - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 730 ± 2, ngang 340 ± 2 - Khối lượng vải (g/m^2): 268.4 ± 2. - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5. - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.
2	Trang phục của bác sĩ bộ mùa đông (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	327			1. Chất liệu, màu sắc - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương 2. Kiểu dáng: - Áo: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, phía trước có 3 túi, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển

					công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 67.6 ± 2, Rayon 29.4 ± 2, Spandex 3 ± 2. - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 730 ± 2, ngang 340 ± 2 - Khối lượng vải (g/m^2): 268.4 ± 2. - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5. - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.
3	Trang phục của điều dưỡng viên, hộ sinh viên, y sỹ bộ mùa hè (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	575		1. Chất liệu, màu sắc - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương 2. Kiểu dáng: - Áo: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, cộc tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm - Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 67.6 ± 2, Rayon 29.4 ± 2, Spandex 3 ± 2. - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 730 ± 2, ngang 340 ± 2 - Khối lượng vải (g/m^2): 268.4 ± 2. - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5. - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.

4	Trang phục của điều dưỡng viên, hộ sinh viên, y sỹ bộ mùa đông (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	575		1. Chất liệu, màu sắc - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương 2. Kiểu dáng: - Áo: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm - Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 67.6 ± 2, Rayon 29.4 ± 2, Spandex 3 ± 2. - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 730 ± 2, ngang 340 ± 2 - Khối lượng vải (g/m^2): 268.4 ± 2. - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5. - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện.
5	Trang phục của kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại các khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng bộ mùa hè (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	70		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương 2. Kiểu dáng: - Áo: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, cộc tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái - Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 67.6 ± 2, Rayon 29.4 ± 2, Spandex 3 ± 2. - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 730 ± 2, ngang 340 ± 2 - Khối lượng vải (g/m^2): 268.4 ± 2. - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5. - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện

6	Trang phục của kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại các khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng bộ mùa đông (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	70		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương 2. Kiểu dáng: - Áo: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái - Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 67.6 ± 2, Rayon 29.4 ± 2, Spandex 3 ± 2. - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 730 ± 2, ngang 340 ± 2 - Khối lượng vải (g/m^2): 268.4 ± 2. - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5. - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện
7	Trang phục của dược sĩ bộ mùa hè (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	70		1. Chất liệu, màu sắc - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương 2. Kiểu dáng: - Áo: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, cộc tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 67.6 ± 2, Rayon 29.4 ± 2, Spandex 3 ± 2. - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 730 ± 2, ngang 340 ± 2 - Khối lượng vải (g/m^2): 268.4 ± 2. - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5. - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện

8	Trang phục của được sĩ bộ mùa đông (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	70		1. Chất liệu, màu sắc - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương 2. Kiểu dáng: - Áo: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 67.6 ± 2, Rayon 29.4 ± 2, Spandex 3 ± 2. - Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 730 ± 2, ngang 340 ± 2 - Khối lượng vải (g/m^2): 268.4 ± 2. - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5. - Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện
9	Trang phục của khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức, người làm việc tại trung tâm tiết khuẩn bộ mùa hè (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	115		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu xanh cỏ vịt - Chất liệu: Vải kate ford hoặc tương đương 2. Kiểu dáng: - Áo: Áo cổ trái tim, chui đầu, cộc tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái - Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m^2): 168.5 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 280 ± 1, Ngang 270 ± 1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%): Dọc $(-1.2) \pm 0.2$, Ngang $(-1.2) \pm 0.2$ - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65.4 ± 1, Cotton 34.6 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.

10	Trang phục của khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức, người làm việc tại trung tâm tiết khuẩn bộ mùa đông (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	115		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu xanh cỏ vịt - Chất liệu: Vải kate ford hoặc tương đương 2. Kiểu dáng: - Áo: Áo cổ trái tim, chui đầu, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái -Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m^2): 168.5 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 280 ± 1, Ngang 270 ± 1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc $(-1.2) \pm 0.2$, Ngang $(-1.2) \pm 0.2$ - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65.4 ± 1 , Cotton 34.6 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.
11	Trang phục của hộ lý bộ mùa hè (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	12		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: màu xanh hòa bình - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương 2. Kiểu dáng - Áo: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, cộc tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái - Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m^2): 165.5 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 280 ± 1, Ngang 276 ± 1 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 64.8 ± 1 , Cotton 35.2 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.

12	Trang phục của hộ lý bộ mùa đông (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	12		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu xanh hòa bình - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương 2. Kiểu dáng - Áo: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái - Quần: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: a) Màu sắc: Theo màu sắc của áo; b) Chất liệu: Theo chất liệu của áo. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m²): 165.5 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 280 ± 1, Ngang 276 ± 1 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 64.8 ± 1 , Cotton 35.2 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.
13	Trang phục của nhân viên bảo vệ bộ mùa hè (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	28		1. Chất liệu, màu sắc: - Áo: Vải Kate ford hoặc tương đương; màu xanh cô ban - Quần: vải Kaki hoặc tương đương; màu xanh đen 2. Kiểu dáng - Áo: Áo cổ đức, cài cúc giữa, cộc tay, gấu tay măng xéc, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái - Quần âu 2 ly, có 1 túi sau - Mũ kiểu kê pi May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: a) Áo: - Khối lượng vải (g/m²): 147.2 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 248 ± 1, Ngang 260 ± 1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc $(-0.9) \pm 0.2$, Ngang $(-1.2) \pm 0.2$ - Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. b) Quần: - Khối lượng vải (g/m²): 293.2 ± 1

						- Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 455 ± 1 , Ngang 290 ± 1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc $(-1.2) \pm 0.2$, Ngang $(-0.1) \pm 0.2$ - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 68.3 ± 1 , Rayon 31.7 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.
14	Trang phục của nhân viên bảo vệ mùa đông (01 bộ gồm: Áo, quần, mũ)	Bộ	28			1. Chất liệu, màu sắc: - Áo: Vải Kate ford hoặc tương đương; màu xanh cô ban - Quần: vải Kaki hoặc tương đương; màu xanh đen 2. Kiểu dáng - Áo: Áo cổ đức, cài cúc giữa, dài tay, gấu tay măng xéc, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái - Quần âu 2 ly, có 1 túi sau - Mũ kiểu kê pi May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: a) Áo: - Khối lượng vải (g/m^2): 147.2 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 248 ± 1 , Ngang 260 ± 1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc $(-0.9) \pm 0.2$, Ngang $(-1.2) \pm 0.2$ - Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (cấp): 4-5 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. b) Quần: - Khối lượng vải (g/m^2): 293.2 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 455 ± 1 , Ngang 290 ± 1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc $(-1.2) \pm 0.2$, Ngang $(-0.1) \pm 0.2$ - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 68.3 ± 1 , Rayon 31.7 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.
15	Trang phục áo khoác của nhân viên bảo vệ mùa đông	Chiếc	28			1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu xanh đen - Chất liệu: vải Kaki hoặc tương đương; 2. Kiểu dáng Áo khoác cổ chữ K, cài cúc giữa, phía trước 2 túi cơi chéo có nắp túi, 4 cúc, có nẹp cầu vai, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực

						trái. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m²): 293.2 ±1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 455 ±1, Ngang 290 ±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc (-1.2) ±0.2, Ngang (-0.1) ±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 68.3 ±1, Rayon 31.7 ±1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.
16	Trang phục của kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe ô tô cấp cứu bộ mùa hè (01 bộ gồm: Áo, quần)	Bộ	16			1. Chất liệu , - Áo: Vải Kate ford hoặc tương đương; màu xanh đen - Quần: vải Kaki hoặc tương đương; màu xanh đen 2. Kiểu dáng - Áo: Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, cộc tay, gấu tay măng xéc, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Quần âu 2 ly, có 1 túi sau May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: a) Áo: - Khối lượng vải (g/m²): 165.1 ±1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 280 ±1 , Ngang 280 ±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc (-0.7) ±0.2 , Ngang (-0.6) ±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 67.5 ±1 , Cotton 32.5 ±1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. b) Quần: - Khối lượng vải (g/m²): 293.2 ±1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 455 ±1 , Ngang 290 ±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc (-1.2) ±0.2 , Ngang (-0.1) ±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 68.3 ±1 , Rayon 31.7 ±1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.

17	Trang phục của kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe ô tô cấp cứu bộ mùa đông (01 bộ gồm: Áo, quần)	Bộ	16		1. Chất liệu , màu sắc: - Áo: Vải Kate ford hoặc tương đương; màu xanh đen - Quần: vải Kaki hoặc tương đương; màu xanh đen 2. Kiểu dáng - Áo: Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay, gấu tay măng xéc, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Quần âu 2 ly, có 1 túi sau May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: a) Áo: - Khối lượng vải (g/m²): 165.1 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 280 ± 1 , Ngang 280 ± 1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc $(-0.7) \pm 0.2$, Ngang $(-0.6) \pm 0.2$ - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 67.5 ± 1 , Cotton 32.5 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. b) Quần: - Khối lượng vải (g/m²): 293.2 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 455 ± 1 , Ngang 290 ± 1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc $(-1.2) \pm 0.2$, Ngang $(-0.1) \pm 0.2$ - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 68.3 ± 1 , Rayon 31.7 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.
----	--	----	----	--	---

18	Trang phục áo khoác của kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe ô tô cấp cứu mùa đông	Chiếc	16		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu xanh đen - Chất liệu: vải Kaki hoặc tương đương 2. Kiểu dáng Áo khoác cổ chữ K, cài cúc giữa, phía trước 2 túi chéo có nắp túi, 4 cúc, có nẹp cầu vai, in logo Bệnh viện trước ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái. May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m^2): 293.2 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 455 ± 1 , Ngang 290 ± 1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc $(-1.2) \pm 0.2$, Ngang $(-0.1) \pm 0.2$ - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 68.3 ± 1 , Rayon 31.7 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.
19	Trang phục áo ngắn tay của nhân viên nữ tiếp đón, hành chính, thu ngân mùa hè	Chiếc	111		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kate Ý hoặc tương đương 2. Kiểu dáng Áo sơ mi cổ đực, cộc tay May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m^2): 129.1 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 604 ± 1 , Ngang 352 ± 1 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 47.2 ± 1 , Rayon 52.8 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.

20	Trang phục áo dài tay của nhân viên nữ tiếp đón, hành chính, thu ngân mùa đông	Chiếc	111		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Vải Kate Ý hoặc tương đương; 2. Kiểu dáng Áo sơ mi cổ đực, tay lỡ hoặc dài tay May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m²): 129.1 ±1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 604 ±1, Ngang 352 ±1 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 47.2 ±1 , Rayon 52.8 ±1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.
21	Trang phục chân váy của nhân viên nữ tiếp đón, hành chính, thu ngân	Chiếc	222		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu xanh than - Chất liệu: Kaki Cotton hoặc tương đương; 2. Kiểu dáng Chân váy: kiểu váy chữ A, sê sau, chiều dài ngang gối, có túi hoặc không túi May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m²): 293.4 ±1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 725 ±1 , Ngang 350 ±1 - Độ bền xé rách (N): Dọc 115.7 ±1 , Ngang 54.5 ±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%): Dọc (-0.6) ±0.2 , Ngang (-0.4) ±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu(%): Polyester 67.3 ±1, Rayon 29.5±1, Spandex 3.2 ±1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.

22	Trang phục áo ngắn tay của nhân viên nam tiếp đón, hành chính, thu ngân mùa hè	Chiếc	27		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kate Ý hoặc tương đương 2. Kiểu dáng Áo sơ mi cổ đức, cộc tay May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m^2): 129.1 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 604 ± 1, Ngang 352 ± 1 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 47.2 ± 1, Rayon 52.8 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.
23	Trang phục áo dài tay của nhân viên nam tiếp đón, hành chính, thu ngân mùa đông	Chiếc	27		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: màu trắng - Chất liệu: Vải Kate Ý hoặc tương đương; 2. Kiểu dáng Áo sơ mi cổ đức, dài tay May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m^2): 129.1 ± 1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 604 ± 1, Ngang 352 ± 1 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 47.2 ± 1 , Rayon 52.8 ± 1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.

24	Trang phục quần của nhân viên nam tiếp đón, hành chính, thu ngân	Chiếc	54		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu xanh than, - Chất liệu: vải Kaki Cotton hoặc tương đương; 2. Kiểu dáng Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m²): 293.4 ±1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 725 ±1 , Ngang 350 ±1 - Độ bền xé rách (N): Dọc 115.7 ±1 , Ngang 54.5 ±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc (-0.6) ±0.2 , Ngang (-0.4) ±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu(%): Polyester 67.3 ±1, Rayon 29.5±1, Spandex 3.2 ±1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.
25	Trang phục áo vest của nhân viên nữ tiếp đón, hành chính, thu ngân mùa đông	Chiếc	111		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu xanh than - Chất liệu: Vải Kaki Cotton hoặc tương đương; 2. Kiểu dáng Áo vest 1 ve cổ, 1 cúc hoặc 2 cúc, có 2 túi May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m²): 293.4 ±1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 725 ±1 , Ngang 350 ±1 - Độ bền xé rách (N): Dọc 115.7 ±1 , Ngang 54.5 ±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc (-0.6) ±0.2 , Ngang (-0.4) ±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu(%): Polyester 67.3 ±1, Rayon 29.5±1, Spandex 3.2 ±1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.

26	Trang phục áo vest của nhân viên nam tiếp đón, hành chính, thu ngân mùa đông	Chiếc	27		1. Chất liệu, màu sắc: - Màu sắc: Màu xanh than - Chất liệu: vải Kaki Cotton hoặc tương đương; 2. Kiểu dáng Áo vest, 2 cúc, có 2 túi dưới và 1 túi ngực May và đo theo số đo của từng người 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: - Khối lượng vải (g/m²): 293.4 ±1 - Mật độ vải (sợi /10cm): Dọc 725 ±1 , Ngang 350 ±1 - Độ bền xé rách (N): Dọc 115.7 ±1 , Ngang 54.5 ±1 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%) : Dọc (-0.6) ±0.2 , Ngang (-0.4) ±0.2 - Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Định tính và định lượng nguyên liệu(%): Polyester 67.3 ±1, Rayon 29.5±1, Spandex 3.2 ±1 - Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.
Tổng cộng (26 khoản)					

Yêu cầu chung:

- Chất lượng mới 100%
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 730 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Bàn giao tại các khoa, phòng theo danh sách do Bệnh viện cung cấp;
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bệnh viện, nhà thầu phải hoàn thành việc đổi hoặc khắc phục đối với các sản phẩm không đạt yêu cầu.
- Giá đã bao gồm thuế, chi phí may đo, lấy số đo, chỉnh sửa, hoàn thiện, đóng gói, vận chuyển, bốc xếp và bàn giao trang phục tại các khoa, phòng theo yêu cầu của Bệnh viện.